

Số: /BC-UBND

Hoàng Phú, ngày 09 tháng 11 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024**

Thực hiện Công văn số:418/UBND-NV ngày 28/02/2023 của UBND Huyện Hoàng Hóa về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo CCHC định kỳ.

UBND xã Hoàng Phú báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024 cụ thể như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:**

##### **- Hoạt động chỉ đạo, điều hành:**

Căn cứ vào nội dung, chương trình cải cách hành chính của UBND huyện. UBND xã đã ban hành Quyết định số: 04/KH-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã về kế hoạch cải cách hành chính năm 2024, kế hoạch số 08 ngày 19/01/2024 tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2024, công tác triển khai được thực hiện tốt trên tất cả các nội dung của kế hoạch.

##### **- Công tác kiểm tra cải cách hành chính**

Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra công tác CCHC của huyện, UBND xã chỉ đạo các các công chức chuyên môn chuẩn bị nội dung thực hiện.

Số lượng các bộ phận chuyên môn được kiểm tra về cải cách hành chính là bộ phận chuyên môn tư pháp, địa chính, kế toán, chính sách xã hội, văn hóa, văn phòng và công an.

##### **-Về công tác tuyên truyền CCHC:**

UBND xã đã ban hành kế hoạch số: 03/KH-UBND ngày 04/01/2024 về việc tuyên truyền công tác CCHC năm 2024; Kế hoạch số 07/KH- UBND ngày 19/01/2024 về việc triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2024. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC với nhiều hình thức, đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương như: niêm yết trên bảng treo tường, mở hội nghị tập huấn, lồng ghép vào các hội của UBND; thông qua hệ thống đài truyền thanh của xã; đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã địa chỉ [hoangphus.hoanghoa.gov.vn](http://hoangphus.hoanghoa.gov.vn). Kết quả: phối hợp với các ngành tuyên truyền mở hội nghị lồng ghép tập huấn nghiệp vụ công tác CCHC và các văn bản liên quan ; tuyên truyền qua hệ thống đài truyền thanh được 45 tin bài;

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1.Cải cách thể chế**

-Thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật, đồng thời chỉ đạo cán bộ chuyên môn rà soát, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật đúng theo quy định.

Kết quả rà soát các văn bản đều đảm bảo đúng quy định của nhà nước, chất lượng văn bản khi ban hành đều đúng thẩm quyền và thể thức, không có văn bản nào trái quy định

-Việc tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật triển khai đảm bảo đúng quy định, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện lồng ghép nội dung CCHC vào công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng các hình thức phù hợp.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính:**

- UBND rà soát đánh giá các quy định thủ tục hành chính và đề nghị đơn giản hóa cho phù hợp với tình hình của địa phương.

- Số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương đến thời điểm hiện tại là 40 lĩnh vực 201 TTHC

- Không có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC.

-Việc công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC: Được đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã hàng tuần và niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã.

+ Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến một phần 320 hồ sơ, hồ sơ toàn trình 184 hồ sơ

- Kết quả giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị từ tháng 10/11//2023 đến 05/11/2024, gồm:

- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 485 hồ sơ. Trong đó:

+ Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 453 hồ sơ

+ Số hồ sơ tiếp nhận qua BCCI: 02 hồ sơ

+ Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: 0 hồ sơ

+ Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua: 0 hồ sơ

- Số hồ sơ đã giải quyết trả kết quả: 485 hồ sơ. Trong đó:

+ Số hồ sơ đã giải quyết trước hạn: 430 hồ sơ

+ Số hồ sơ đã giải quyết trả đúng thời hạn: 54 hồ sơ

- Việc áp dụng các biểu mẫu trong giải quyết TTHC theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP hướng dẫn Nghị định 61/2018/ND-CP của Chính phủ chưa được đảm bảo.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt 96%

- Mức độ đạt yêu cầu về diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo chuẩn theo yêu cầu như: Diện tích phòng; Máy phô tô, máy scan đảm bảo theo quy định.

## **3. Về tổ chức bộ máy**

- Việc tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ ngành trung ương và của tỉnh, huyện trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị (cụ thể việc thực hiện Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng yêu cầu. Sắp xếp bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu lực hiệu quả.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC của UBND xã được thực hiện đảm bảo.

- Công tác kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của công chức chuyên môn thực hiện một cách nghiêm túc.

## **4. Về cải cách công vụ**

- Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức được quan tâm. Tạo điều kiện cho các đồng chí cán bộ, công chức chuyên môn đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị, bổ sung các chứng chỉ chuyên viên, cán sự, tiếng anh, tin học.

- Việc thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức kịp thời, đảm bảo như: tiền lương, phụ cấp, thăm hỏi...

- Về số lượng, chất lượng, cán bộ công chức cấp xã:

*Về cán bộ, công chức cấp xã:* Tổng số, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã đến thời điểm hiện tại là: 20 người

Trong đó:

**\* Cán bộ: 10 người**

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 03 người = 15 %; Đại học: 7 người = 35%;

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 0 người = 0 %, Trung cấp: 10 người = 100 %; Sơ cấp: 0 người = 0 %.

**\* Công chức: 10 người.**

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 0 người = 0 %, Đại học: 10 người = 100%; Cao đẳng: 0 người = 0 %; Trung cấp: 0 người = 0 %.

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 0 người; Trung cấp: 10 người = 100 %; sơ cấp: 0 người = 0%.

### **5. Cải cách tài chính công**

UBND xã đã ban hành quyết định về xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi phòng tài chính thẩm và gửi kho bạc nhà nước kiểm soát chi đúng quy định

Thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ và có hiệu quả các chế độ chính sách về tài chính ngân sách theo quy định.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả kinh phí ở tại cơ quan do cấp trên phân bổ, các khoản huy động đóng góp trong nhân dân, công khai hóa, minh bạch hóa các khoản thu chi để nhân dân biết và giám sát.

### **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử.**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính: Một số ứng dụng thông tin mang tính chuyên dùng đang được áp dụng tại xã như: Phần mềm theo dõi nhiệm vụ; Phần mềm quản lý hồ sơ công việc; Phần mềm một cửa điện tử. Đến nay hầu hết cán bộ, công chức xã được trang bị máy tính kết nối Internet để phục vụ công việc; Một số công chức như tài chính - kế toán; Tư pháp hộ tịch, văn phòng - thống kê ; Chính sách xã hội, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã ứng dụng phần mềm chuyên ngành để phục vụ công tác chuyên môn ngày một tốt hơn.

Việc áp dụng ISO trong hoạt động của UBND xã: UBND xã đã xây dựng kế hoạch và kiện toàn BCD thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 hoàn thành đã đưa vào hoạt động.

### **III. KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC:**

Phần mềm một cửa có lúc quá tải nên việc thực hiện giải quyết TTHC có lúc chưa được thuận lợi. Cấp cơ sở người dân còn hạn chế về sử dụng công nghệ thông tin nên công chức thực hiện một cửa có lúc còn phải đóng vai công dân nên tiến độ công việc còn hạn chế.

### **IV KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:**

Đề nghị UBND huyện tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thủ tục hành chính. Tạo điều kiện kinh phí cho hoạt động cải cách thủ tục hành chính tại địa phương.

## **V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

### **1. Cải cách thể chế**

- Căn cứ vào chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 76/ NQ - CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 3740/ QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND huyện về chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 xã đã xây dựng các kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 về việc tự kiểm soát hệ thống hóa văn bản văn bản quy phạm pháp luật năm 2024; Kế hoạch của UBND xã về kế hoạch cải cách hành chính năm 2024, kế hoạch tự kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2024... các văn bản đều được triển khai được thực hiện các nội dung của kế hoạch.

- Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng xây dựng văn phạm quy phạm pháp luật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy trình xây dựng ban hành văn bản;

- Đổi mới nâng cao chất lượng kiểm tra, kiểm soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

### **2. Cải cách TTHC**

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc cập nhật và niêm yết công khai các TTHC theo quy định; tiếp tục rà soát đơn giản hóa và kiến nghị đơn giản hóa theo thẩm quyền các TTHC để tạo thuận lợi cho cá nhân tổ chức trong quá trình giải quyết TTHC

- Thực hiện đồng bộ cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo Nghị định số 61/2018/ NĐ - CP ngày 23/4/2018.

- Thực hiện nghiêm việc công khai kết quả giải quyết TTH, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Tiếp tục xây dựng thực hiện quy chế phối hợp giải quyết công việc giữa các công chức chuyên môn .

- Hàng năm tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC của UBND xã.

-Thực hiện tự kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của công chức chuyên môn.

- UBND xã xây dựng kế hoạch cử cán bộ, công chức đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao tinh thần gương mẫu, trách nhiệm công vụ cho cán bộ công chức. Tập huấn các kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức.

### **4. Xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức, trang bị kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ, văn hóa công sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, ý thức kỷ luật của cán bộ công chức.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 01/CT-UBND ngày 01/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trong công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành;

## **5. Cải cách tài chính công**

- Xây dựng định mức khoán chi tường xuyên phù hợp với địa phương, Dự toán thu - chi ngân sách, quyết toán ngân sách năm phải được công khai niêm yết theo pháp lệnh dân chủ ở cơ sở.
- Công tác tài chính ngân sách xã được thực hiện nghiêm theo quy định của luật ngân sách. Nguồn thu ngân sách được khai thác triệt để đảm bảo thu đúng, chi đủ kịp thời.

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử**

- Tiếp tục thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý điều hành của UBND xã.
- Duy trì triển khai trực tuyến tại UBND xã.
- Tiếp tục áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001-2015.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của xã Hoàng Phú năm 2024./.

### ***Nơi nhận:***

- Phòng nội vụ huyện (b/c);
- Lưu VP.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hồng**

**Phụ lục 01b**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND XÃ HOÀNG PHÚ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1	Kế hoạch CCHC		01	
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	7	
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	2	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số bộ phận, công chức chuyên môn cấp xã đã kiểm tra	Bộ phận, công chức CM	8	
1.2.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	2	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	2	
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = Kết hợp = 2		
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn	Không = 0 Có = 1	0	
<b>2</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1	Thống kê TTHC		201	
3.1.1	Số TTHC/ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý công bố mới	Thủ tục		
3.1.2	Số TTHC thuộc thẩm quyền bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3	Tổng số TTHC đang áp dụng	Thủ tục	201	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		80	
3.2.1	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một	Thủ tục	121	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	cửa tại cấp xã			
3.2.2	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.2.3	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.2.4	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ (Theo quy trình ISO)	%	100	
3.2.5	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ	485	
Trong đó	<i>Tiếp nhận trực tuyến</i>	Số lượng hồ sơ	483	
	<i>Tiếp nhận trực tiếp, qua BCCI</i>	Số lượng hồ sơ	02	
	<i>Tiếp nhận trực tuyến toàn trình</i>	Số lượng hồ sơ	320	
	<i>Tiếp nhận trực tuyến một phần</i>	Số lượng hồ sơ	184	
3.3.2	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	485	
Trong đó	<i>Trả trực tuyến</i>	nt	453	
	<i>Trả qua, trực tiếp, BCCI</i>	nt	02	
	<i>Giải quyết trực tuyến toàn trình</i>	nt	320	
	<i>Giải quyết trực tuyến một phần</i>	nt	184	
3.3.3	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ		
3.3.4	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ		
3.4	Công khai kết quả giải quyết		100	
3.4.1	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết		
3.4.2	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	100	
3.4.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục		
3.5	Số thu/ trường hợp đã công khai xin lỗi		0	
<b>4</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1	Số liệu về biên chế cán bộ (theo ND 34)	Người	10	
4.2	Số liệu về biên chế công chức (theo ND34)	Người	10	
4.3	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>5</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức ( <i>cả về Đảng và chính quyền</i> ).			
5.2	Xây dựng kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính hoặc hội nghị triển khai thực hiện	Có ban hành hoặc triển khai KH = 1 Không ban hành; triển khai KH = 0	1	
5.3	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
5.4	Số lượng công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
<b>6</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Đơn vị đã thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	Có ban hành QC = 1 Không ban hành QC = 0	1	
6.2.	Đơn vị đã thực hiện Quy chế quản lý tài sản công	Có ban hành QC = 1 Không ban hành QC = 0	1	
<b>7</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử</b>			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Có = 1 Chưa có = 0	1	
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản		
7.2.1	Tổng số VĂN BẢN ĐẾN trên địa bàn xã	Văn bản	3366	
7.2.2	Tổng số VĂN BẢN ĐI trên địa bàn xã	Văn bản	700	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử ( <i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.3	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Đã vận hành = 1 Chưa = 0	1	



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.4	Kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp huyện, tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.5	Dịch vụ công trực tuyến			
7.5.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	3	
7.5.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	7	
7.6	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	